TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-ST
Ngày: 27 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Thế Kỳ.
2. Ông Nguyễn Như Tạ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng góp vốn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số: 566/2023/TB-TA ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Công L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: R, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Ngô Minh H, sinh năm 1997; địa chỉ: R, phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 08/6/2023); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ nơi làm việc: Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ thương mại Vận tải T, thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị Hoài K, sinh năm 2000.

Địa chỉ: R, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Ngô Minh H, sinh năm 1997; địa chỉ: R, phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 08/6/2023); có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Anh Nguyễn Công T1; địa chỉ: R, phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Công L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh Nguyễn Công L và ông Nguyễn Văn T là chỗ quen biết, anh L là người chạy xe thuê cho ông Trọng. Vào tháng 3/2022 anh L và ông T thỏa thuận góp tiền mua xe ô tô để cùng kinh doanh, làm ăn chung, theo đó hai bên bàn bạc với nhau mua xe ô tô tải và xe Rơ mooc (xe cũ) để anh L là người sử dụng, lái xe và ông T là người quản lý, tìm các nguồn khách hàng có nhu cầu thuê xe chở hàng, lợi nhuận chia chung. Anh L đã góp vốn cho ông T tổng số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) bằng hình thức giao nhận trực tiếp và chuyển khoản vào tài khoản của ông T, cụ thể:

Lần 1: Ngày 04/4/2022 anh L đã giao 300.000.000 đồng tiền mặt cho ông T tại phòng trọ của anh L, địa chỉ thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có anh Nguyễn Công T1 (anh T1 là anh họ của anh L) và chị Lê Thị Hoài Khanh (vợ của anh L) chứng kiến. Khi anh L giao số tiền 300.000.000 đồng cho ông T thì không làm giấy tờ giao nhận tiền.

Lần 2: Ngày 08/4/2022 anh L đã chuyển vào tài khoản số 63510000033979 Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) của ông T số tiền 200.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản: Nguyễn Công L chuyển tiền mua xe.

Sau đó, anh L có yêu cầu ông T thực hiện thỏa thuận của hai bên, giao xe cho anh L sử dụng chở hàng nhưng ông T không đồng ý và cho rằng ông T không mua xe nữa và cũng không giao xe cho anh L sử dụng, nên anh L yêu cầu ông T trả lại số tiền anh L đã góp 500.000.000 đồng nhưng ông T không đồng ý. Sau đó, anh L làm đơn tố cáo gửi Công an tỉnh Đắk Nông, nhưng Công an tỉnh Đắk Nông nhận định không đủ dấu hiệu tội phạm và hướng dẫn làm đơn khởi kiện vụ án dân sự. Anh L có cung cấp cho Tòa án đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa anh L và ông T thể hiện nội dung anh L có góp vốn số tiền 500.000.000 đồng cho ông T để mua xe chung. Trong quá trình thực hiện thì ông T có nói với anh L mua xe ô tô biển kiểm soát 51H-152.14 và Rơ mooc biển số đăng ký 51R-345.77 đứng tên bà Cao Thị Hằng. Anh L có nghe người khác nói ông T đã mua xe nhưng hiện nay ông T mua xe hay chưa thì anh L không biết. Quá giải quyết anh L khởi kiện yêu cầu ông T bàn giao xe ô tô biển kiểm soát 51H-152.14 và Rơ mooc biển số đăng ký 51R-345.77 cho anh L (nếu đã mua xe). Trường hợp chưa mua xe thì anh L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả lại cho anh L số tiền

500.000.000 đồng đã góp vốn để mua xe và tiền lãi suất 10%/năm trên số tiền 500.000.000 đồng tính từ ngày 25/11/2022 (ngày anh L có thông báo ông T) đến khi bản án có hiệu lực pháp luật cho anh L. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Công L xin rút yêu cầu ông T bàn giao xe ô tô biển kiểm soát 51H-152.14 và Rơ mooc biển số đăng ký 51R-345.77 cho anh L (nếu đã mua xe) và rút yêu cầu tính tiền lãi suất 10%/năm trên số tiền 500.000.000 đồng tính từ ngày 25/11/2022 (ngày anh L có thông báo ông Trọng) đến khi bản án có hiệu lực pháp luật cho anh L. Nay anh L chỉ khởi kiện yêu cầu ông T trả cho anh L số tiền 500.000.000 đồng đã góp vốn để mua xe.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Anh L không góp tiền mua xe ô tô để kinh doanh, làm ăn chung với ông Trọng. Vào ngày 08/4/2022 anh L chuyển số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) vào tài khoản số 63510000033979 Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam của ông T để trả nợ vay của ông T. Trước đó anh L có vay của ông T 300.000.000 đồng vào khoảng tháng 02 đến 03/2022, khi vay không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là 03 ngày kể từ ngày vay, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng cho cha vợ của anh Lý. Khi ông T cho anh L vay số tiền 300.000.000 đồng thì không làm giấy tờ cho vay. Anh L có nhận số tiền 100.000.000 đồng do cha đẻ của ông T là ông Nguyễn Minh T2 giao tại nhà của ông T2 thôn 5, xã N. Vì vậy, việc anh L cho rằng số tiền 200.000.000 đồng mà anh L chuyển khoản vào tài khoản của ông T để góp tiền mua xe ô tô chung với ông T như anh L trình bày là không đúng. Trước đó ông T và anh L có ý định góp tiền để mua xe ô tô làm ăn chung nhưng do ngân hàng không cho anh L vay tiền nên không thực hiện được. Đối với số tiền cho vay trên, anh L đã trả cho ông T được 250.000.000 đồng, trong đó có số tiền 200.000.000 đồng anh L chuyển khoản vào tài khoản của ông T. Anh L còn nợ của ông T số tiền 50.000.000 đồng và 19.000.000 đồng tiền giao hàng khi anh L chạy xe thuê cho ông Trọng, anh L nhận của khách hàng nhưng chưa trả cho ông T. Do đó, ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh L về việc yêu cầu ông T phải trả 500.000.000 đồng mà anh L cho rằng đã góp vốn cho ông T để mua xe ô tô kinh doanh, làm ăn chung.

Đối với đoạn hội thoại ngày 16/5/2022 giữa ông T và anh L do anh L xuất trình bản ghi âm cho Tòa án được mở cho các đương sự nghe tại Tòa án thì ông T thừa nhận giọng nói của ông T trong đoạn ghi âm trên, trong đoạn hội thoại ông T thừa nhận có giữ của anh L số tiền 500.000.000 đồng số tiền anh L đã góp vốn cho ông T để mua xe chung nhưng đoạn hội thoại trên chỉ là việc dàn dựng giữa ông T và anh L theo đề nghị giúp đỡ của anh Lý, mục đích ghi âm lại để anh L làm căn cứ nói dối với gia đình bên vợ của anh L cho anh L thế chấp tài sản bên gia đình vợ vay tiền từ ngân hàng chứ không có việc ông T nhận số tiền 500.000.000 đồng góp vốn mua xe chung của anh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Hoài K thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Công L và không trình bày gì thêm.

Người làm chứng anh Nguyễn Công T1 trình bày: Ngày 04/4/2022 anh T1 có chứng kiến việc ông Nguyễn Công L giao tiền mặt cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 300.000.000 đồng. Thời điểm anh L giao tiền cho ông T có anh T1 và chị Lê Thị Hoài K cùng chứng kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Công L xin rút yêu cầu ông T bàn giao xe ô tô biển kiểm soát 51H-152.14 và Rơ mooc biển số đăng ký 51R-345.77 cho anh L (nếu đã mua xe) và rút yêu cầu tính tiền lãi suất 10%/năm trên số tiền 500.000.000 đồng tính từ ngày 25/11/2022 (ngày anh L có thông báo ông Trọng) đến khi bản án có hiệu lực pháp luật cho anh L. Nay anh L chỉ khởi kiện yêu cầu ông T phải trả cho anh L số tiền 500.000.000 đồng đã góp vốn để mua xe.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn T cho rằng ông T không nhận số tiền 500.000.000 đồng góp vốn của anh L. Số tiền 200.000.000 đồng anh L chuyển khoản cho ông T là anh L trả nợ vay của ông T trước đó. Ông T thừa nhận giọng nói của ông T trong cuộc hội thoại được anh L ghi âm và cung cấp cho Tòa án, tuy nhiên nội dung cuộc hội thoại này là việc giàn dựng theo đề nghị giúp đỡ của L để làm anh L làm cơ sở nói dối với gia đình bên vợ thế chấp tài sản gia đình bên vợ vay tiền từ ngân hàng để cho anh L vay chứ không có việc ông T nhận số tiền 500.000.000 đồng góp vốn mua xe chung của anh L**.**

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi được phân công giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 119, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Công L về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T bàn giao xe ô tô biển kiểm soát 51H-152.14 và Rơ mooc biển số đăng ký 51R-345.77 cho anh L (nếu đã mua xe) và yêu cầu tính tiền lãi suất 10%/năm trên số tiền 500.000.000 đồng tính từ ngày 25/11/2022 (ngày anh L có thông báo ông Trọng) đến khi bản án có hiệu lực pháp luật cho anh L. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Công L về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải trả cho anh Nguyễn Công L số tiền góp vốn là 500.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nguyễn

Công L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T giao xe ô tô biển kiểm soát 51H-152.14 và Rơ mooc biển số đăng ký 51R-345.77 cho anh L (nếu đã mua xe). Trong trường hợp ông T không đồng ý giao xe thì anh L yêu cầu ông T trả tiền đã góp vốn mua xe ô tô chung là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi suất 10%/năm trên số tiền 500.000.000 đồng tính từ ngày 25/11/2022 (ngày anh L có thông báo ông Trọng) đến khi bản án có hiệu lực pháp luật cho anh L. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Công L xin rút yêu cầu ông T bàn giao xe ô tô biển kiểm soát 51H-152.14 và Rơ mooc biển số đăng ký 51R-345.77 cho anh L (nếu đã mua xe) và rút yêu cầu tính tiền lãi suất 10%/năm trên số tiền 500.000.000 đồng tính từ ngày 25/11/2022 (ngày anh L có thông báo ông T) đến khi bản án có hiệu lực pháp luật cho anh L. Anh Nguyễn Công L chỉ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả cho anh Nguyễn Công L số tiền 500.000.000 đồng đã góp vốn để mua xe. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng góp vốn"; bị đơn là ông Nguyễn Văn T, cư trú tại thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, hợp đồng được thực hiện tại thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Công L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T:

[2.1] Nguyên đơn anh Nguyễn Công L khởi kiện cho rằng ông Nguyễn Văn T có nhận của anh L số tiền góp vốn là 500.000.000 đồng để mua xe ô tô kinh doanh làm ăn chung với nhau, giao làm hai lần:

Lần 1: Ngày 04/4/2022 anh L đã giao cho ông T số tiền mặt 300.000.000 đồng tại phòng trọ của anh L, địa chỉ thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, khi giao có anh Nguyễn Công T1 và bà Lê Thị Hoài K làm chứng.

Lần 2: Ngày 08/4/2022 anh L đã chuyển vào tài khoản 63510000033979 Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) của ông T số tiền 200.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản: Nguyễn Công L chuyển tiền mua xe.

Mặc dù, anh Nguyễn Công L và ông Nguyễn Văn T không đưa ra được tài liệu thể hiện góp vốn mua xe ô tô để cùng kinh doanh làm ăn chung, ông T cũng không thừa nhận ông T nhận số tiền 500.000.000 đồng góp vốn của anh L, nhưng qua các lời trình bày của các đương sự và người làm chứng cũng như các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định anh L và ông T có thỏa thuận bằng lời nói với nhau về việc góp tiền mua xe ô tô cùng kinh doanh, làm ăn chung, để anh L là người sử dụng, lái xe và ông T là người quản lý, tìm các nguồn khách hàng có nhu cầu thuê xe chở hàng. Thỏa thuận góp vốn giữa anh L và ông T là hợp đồng

bằng lời nói được quy định tại khoản 1 Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Căn cứ bản ghi âm giọng nói cuộc hội thoại giữa anh Nguyễn Công L và ông Nguyễn Văn T ngày 16/5/2022, quá trình giải quyết ông T thừa nhận giọng nói của ông T trong bản ghi âm là của ông T đối thoại với anh L, nhưng ông T cho rằng nội dung trong đoạn hội thoại trên chỉ là việc dàn dựng giữa ông T và anh L theo đề nghị giúp đỡ của anh L, mục đích ghi âm lại để anh L làm căn cứ nói dối với gia đình bên vợ của anh L cho anh L thế chấp tài sản bên gia đình vợ vay tiền ngân hàng chứ không có việc ông T nhận số tiền 500.000.000 đồng góp vốn mua xe chung của anh L. Về số tiền 200.000.000 đồng anh L chuyển vào tài khoản của ông T là số tiền anh L trả nợ tiền vay 300.000.000 đồng mà anh L vay của ông T trước đó. Tuy nhiên, quá trình giải quyết ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc anh L vay của ông T số tiền 300.000.000 đồng, nên ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng cũng thể hiện anh L chuyển khoản: "Chuyển tiền mua xe". Mặt khác, nội dung bản ghi âm giọng nói cuộc hội thoại giữa anh Nguyễn Công L và ông Nguyễn Văn T ngày 16/5/2022, Vi bằng số 116/2023/VB-TPLĐN ngày 06/08/2023 thể hiện ông T có nhận số tiền 500.000.000 đồng góp vốn của anh L, mục đích để hùn vốn mua ô tô để làm ăn kinh doanh chung. Trong đoạn hội thoại ông T khẳng định: *"Thì tao đã nói là xe của mày, mày không theo nữa thì cái xe của mày chỉ có năm trăm triệu thôi"; "Tao trả mày 450.000.000 đồng trong vòng 3 tháng"*; *"Ủa chứ nếu bây giờ tao mở miệng ra nói tao không lấy của mày năm trăm triệu á thì tao mới là thằng tầm bậy, tao có nói với mày là tao có lấy năm trăm triệu"*. Như vậy, việc ông T có nhận của anh L số tiền 500.00.000 đồng để góp vốn mua xe ô tô làm ăn kinh doanh chung là có thật. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Công L, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền góp vốn 500.000.000 đồng cho anh Nguyễn Công L.

[2.3] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Công L về việc buộc ông Nguyễn Văn T giao xe ô tô biển kiểm soát 51H-152.14 và Rơ mooc biển số đăng ký 51R-345.77 cho anh L (nếu đã mua xe) và yêu cầu tính tiền lãi suất 10%/năm trên số tiền 500.000.000 đồng tính từ ngày 25/11/2022 (ngày anh L có thông báo ông T) đến khi bản án có hiệu lực pháp luật cho anh L. Tại phiên tòa anh L xin rút các yêu cầu này, việc các rút yêu cầu khởi kiện này của anh L là hoàn toàn tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Công L được chấp nhận nên buộc bị đơn Nguyễn Văn T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 500.000.000 đồng là 20.000.000 đồng + 4% x 100.000.000 đồng = 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng).

Trả lại cho nguyên đơn anh Nguyễn Công L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 119, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Công L đối với ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho anh Nguyễn Công L số tiền góp vốn là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Nguyễn Công L có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án mà ông Nguyễn Văn T không trả số tiền 500.000.000 đồng nêu trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Công L về việc buộc ông Nguyễn Văn T phải giao xe ô tô biển kiểm soát 51H-152.14 và Rơ mooc biển số đăng ký 51R-345.77 cho anh L (nếu đã mua xe) và yêu cầu tính tiền lãi suất 10%/năm trên số tiền 500.000.000 đồng tính từ ngày 25/11/2022 (ngày anh L có thông báo ông T) đến khi bản án có hiệu lực pháp luật cho anh L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Nguyễn Công L số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005193 ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký, đóng dấu

Lê Xuân Diệu